

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-04-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thanh Châu Giang
- Bà Trần Thị Bích Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị C, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Tồn K, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày: Tôi và anh Đặng Tồn K kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 21/07/2010 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau và hiện nay vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh K.

Về con chung: Có 02 cháu: Đặng Minh H sinh ngày 16/04/2014; Đặng Yên C sinh ngày 14/12/2021. Hiện nay hai con đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay đi làm thuê thu nhập một tháng được 7.000.000đồng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã làm các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật nhiều lần đối với anh Đặng Tồn K nhưng anh K không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị C được ly hôn anh Đặng Tồn K.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao hai cháu Đặng Minh H sinh ngày 16/04/2014; Đặng Yên C sinh ngày 14/12/2021 cho chị Lê Thị C nuôi dưỡng. Anh Đặng Tồn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị C thuộc hộ nghèo và tại phiên tòa chị C xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lê Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C và anh Đặng Tồn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 21 tháng 07 năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Chị C cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau và hiện nay vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị C xin ly hôn anh K là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị C và anh K hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị C được ly hôn anh K là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Đặng Minh H sinh ngày 16/04/2014; Đặng Yến C sinh ngày 14/12/2021. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị C. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của cháu và không làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu. Do vậy cần giao hai cháu Đặng Minh H và cháu Đặng Yến C cho chị C nuôi dưỡng. Chị C không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị C không trái quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị C thuộc hộ nghèo và tại phiên tòa chị C xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lê Thị C.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị C được ly hôn anh Đặng Tồn K.

2. Về con chung: Có 02 cháu: Đặng Minh H sinh ngày 16/04/2014; Đặng Yến C sinh ngày 14/12/2021.

Xử giao hai cháu Đặng Minh H và cháu Đặng Yến C cho chị Lê Thị C trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự

thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Đặng Tồn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Lê Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã X.
- Lưu HS -TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng